

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO
VÀ DU LỊCH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2013/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2013

THÔNG TƯ**Quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận
“Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”; “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 02/2006/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về Quy chế Khu đô thị mới;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 185/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Thực hiện Quyết định số 1610/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Văn hóa cơ sở;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”; “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” (sau đây gọi chung là “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”).

2. Đối tượng áp dụng:

a) Phường, Thị trấn thuộc quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (*dưới đây gọi chung là cấp huyện*);

b) Cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Công nhận “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” nhằm động viên, khuyến khích phường, thị trấn thi đua thực hiện tốt Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

2. Tuyên truyền, vận động nhân dân nắm vững và tự giác thực hiện tiêu chuẩn công nhận “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”.

3. Gắn xây dựng, công nhận “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” với xây dựng, công nhận “Gia đình văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”.

4. Việc xét và công nhận “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” phải đảm bảo chính xác, khách quan, dân chủ và đúng quy định.

Điều 3. Thẩm quyền, thời hạn và hình thức công nhận

1. “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận và công nhận lại.

2. Thời hạn công nhận:

a) Công nhận lần đầu, sau 02 (hai) năm kể từ ngày đăng ký xây dựng;

b) Công nhận lại, sau 05 (năm) năm kể từ ngày được quyết định công nhận lần trước.

3. Hình thức công nhận: Quyết định công nhận, kèm theo Giấy công nhận “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” (*Giấy công nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục của Thông tư này*).

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Tiêu chuẩn “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”

1. *Quản lý kiến trúc, xây dựng đô thị theo quy hoạch*

a) Quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chi tiết đô thị phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt; được công bố công khai rộng rãi;

b) Xây dựng, nâng cấp, cải tạo 90% trở lên các công trình công cộng về hành chính, văn hóa - xã hội và hạ tầng cơ sở đô thị;

c) Đạt 100% công trình công cộng xây mới (*kể từ khi quy hoạch được phê duyệt*) đúng quy hoạch, có kiến trúc hài hòa, đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành;

d) Thực hiện tốt trách nhiệm quản lý Nhà nước về xây dựng; phát huy vai trò tự quản cộng đồng trong việc thực hiện quy hoạch kiến trúc, xây dựng đô thị;

đ) Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả các công trình công cộng trên địa bàn, phục vụ lợi ích công cộng; không lấn chiếm, sử dụng diện tích đất công và công trình công cộng vào mục đích thương mại, nhà ở.

2. Nâng cao chất lượng Gia đình văn hóa, Tổ dân phố văn hóa

a) 80% trở lên gia đình được công nhận “Gia đình văn hóa” 03 (ba) năm liên tục trở lên;

b) 60% trở lên nhà ở của người dân được xây dựng mới, hoặc cải tạo, chỉnh trang, làm đẹp kiến trúc đô thị;

c) 80% trở lên tổ dân phố (hoặc tương đương) được công nhận “Tổ dân phố văn hóa” 06 (sáu) năm liên tục trở lên;

d) 100% tổ dân phố vận động được người dân tham gia bảo dưỡng, nâng cấp cơ sở hạ tầng đô thị và đảm bảo vệ sinh môi trường;

đ) 80% trở lên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn phường, thị trấn đạt chuẩn văn hóa liên tục từ 05 (năm) năm trở lên.

3. Xây dựng nếp sống văn minh, môi trường văn hóa đô thị

a) 80% trở lên hộ gia đình thực hiện tốt các quy định hiện hành về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và nếp sống văn minh đô thị;

b) Không lấn chiếm lòng đường, hè phố gây cản trở giao thông, không coi nói, làm mái che, mái vẩy, đặt biển quảng cáo sai quy định, gây mất mỹ quan đô thị;

c) Đạt tỷ lệ cây xanh công cộng, tỷ lệ đất giao thông tĩnh, tiêu chuẩn cấp nước, thoát nước và chiếu sáng đô thị theo quy định;

d) Đảm bảo vệ sinh môi trường; thu gom rác thải theo quy định; 100% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn quy định về môi trường;

đ) Xây dựng quan hệ cộng đồng thân thiện, đoàn kết giúp nhau “Xóa đói, giảm nghèo”; hợp tác phát triển kinh tế.

4. Xây dựng phong trào văn hóa, thể thao

a) Trung tâm Văn hóa - Thể thao phường, thị trấn có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm, ổn định về tổ chức, hoạt động thường xuyên hiệu quả;

b) 80% trở lên tổ dân phố có điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao hoạt động thường xuyên; thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia;

c) Duy trì thường xuyên các hoạt động văn nghệ quần chúng, hoạt động câu lạc bộ; hoạt động thể dục thể thao; bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh; các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống ở địa phương;

d) Thực hiện tốt Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội; đảm bảo an toàn giao thông; không phát sinh tệ nạn xã hội, trọng án hình sự.

5. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương

a) 95% trở lên hộ gia đình được phổ biến và nghiêm chỉnh thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương;

b) 100% tổ dân phố xây dựng và thực hiện tốt quy ước cộng đồng; có tổ tự quản hoạt động thường xuyên; mâu thuẫn, bất hòa được giải quyết tại cộng đồng; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, không có khiếu kiện đông người, vượt cấp, trái pháp luật;

c) Tổ chức các hoạt động để nhân dân tham gia giám sát chính quyền, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, đấu tranh phòng chống tham nhũng và thực hiện các chính sách xã hội;

d) Xử lý kịp thời, dứt điểm các vi phạm pháp luật về quy hoạch, kiến trúc, xây dựng đô thị; không có công trình xây dựng vi phạm pháp luật nghiêm trọng đến mức phải cưỡng chế, tháo dỡ;

đ) Các cơ sở kinh doanh, dịch vụ văn hóa được xây dựng theo quy hoạch, thực hiện nghiêm các quy định pháp luật; không có cơ sở tàng trữ, lưu hành sản phẩm văn hóa có nội dung độc hại.

Điều 5. Trình tự xét và công nhận

1. Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” phường, thị trấn:

a) Đăng ký xây dựng “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” với Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Tổ chức Lễ phát động xây dựng “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” (Phổ biến tiêu chuẩn và thông qua kế hoạch xây dựng hoặc giữ vững “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”);

c) Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện;

d) Xây dựng báo cáo thành tích gửi Ủy ban nhân dân phường, thị trấn.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, thị trấn có Công văn đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa” cấp huyện tổ chức kiểm tra, thẩm định kết quả thực hiện tiêu chuẩn công nhận “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” (có văn bản kiểm tra).

4. Phòng Văn hóa - Thông tin cấp huyện phối hợp với Bộ phận Thi đua - Khen thưởng cùng cấp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định công nhận, công nhận lại và cấp Giấy công nhận “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”.

Điều 6. Thủ tục xét và công nhận

1. Điều kiện công nhận

a) Phường, Thị trấn được công nhận “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” phải đạt tiêu chuẩn được quy định tại thông tư này và các quy định khác của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nếu có).

b) Thời gian đăng ký:

- 02 (hai) năm, đối với công nhận lần đầu;

- 05 (năm) năm, đối với công nhận lại.

2. Hồ sơ đề nghị

a) Báo cáo thành tích có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, thị trấn:

- Báo cáo 02 (hai) năm, đối với công nhận lần đầu;

- Báo cáo 05 (năm) năm, đối với công nhận lại.

b) Công văn đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, thị trấn.

Số bộ hồ sơ cần nộp là 01 (một) bộ; nộp trực tiếp Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Thời hạn giải quyết là năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Căn cứ hồ sơ đề nghị và biên bản kiểm tra của Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa” cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định công nhận, kèm theo Giấy công nhận “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”.

4. Trường hợp không công nhận, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản nêu rõ lý do chưa công nhận, gửi về Ủy ban nhân dân phường (thị trấn).

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Căn cứ Thông tư này, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thể bổ sung thêm các tiêu chí cụ thể và mức đạt của các tiêu chí

phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, nhưng không được trái với các quy định tại Thông tư này.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện Thông tư này.

3. Căn cứ kết quả kiểm tra đánh giá của Ban chỉ đạo cấp huyện, các phường, thị trấn vi phạm những quy định của Thông tư này sẽ không được công nhận, công nhận lại. Những trường hợp có vi phạm nghiêm trọng sẽ bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy công nhận.

4. Giấy công nhận “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” kèm theo tiền thưởng; mức thưởng do các địa phương căn cứ vào khả năng ngân sách và các nguồn lực xã hội hóa quyết định.

5. “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” đạt thành tích xuất sắc được cấp có thẩm quyền khen thưởng và đề nghị khen theo quy định hiện hành.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2013.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu, bổ sung và chỉnh sửa phù hợp./.

BỘ TRƯỞNG

Hoàng Tuấn Anh

Phụ lục

(Ban hành theo Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Mẫu Giấy công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”; “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”.

1. Kích thước:

- Chiều dài: 360 mm, chiều rộng: 270 mm.
- Hoa văn bên trong: chiều dài 290 mm, chiều rộng 210 mm

2. Chất liệu và định lượng: Giấy trắng, định lượng: 150g/m².

3. Hình thức: Xung quanh trang trí hoa văn màu, chính giữa phía trên in Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1).

4. Nội dung:

- Dòng 1, 2: Quốc hiệu (2).

Khoảng trống

- Dòng 3: Thẩm quyền quyết định (3).

- Dòng 4: Công nhận ... (4).

- Dòng 5: “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị” hoặc “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” (5).

Khoảng trống

- Dòng 6: Tên đơn vị được tặng thưởng (6).

- Dòng 7: Thành tích (7).

Khoảng trống

- Dòng 8:

+ Bên trái: Quyết định số, ngày, tháng, năm.

+ Bên phải: Địa danh, ngày, tháng, năm (8)

- Dòng 9:

+ Bên trái: Số sổ vàng (9).

+ Bên phải: Thủ trưởng cơ quan (10).

Khoảng trống (3,5 cm): chữ ký, dấu

- Dòng 10: Họ và tên người ký quyết định (11).

Ghi chú:

- (1): In hình Quốc huy;

- (2): Quốc hiệu;

+ Dòng chữ: "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" (chữ in đậm, màu đen).

+ Dòng chữ: "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" (chữ thường, đậm, màu đen).

- (3): Thảm quyền quyết định:
- + Dòng chữ: “Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh” đối với mẫu Giấy công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị” 02 năm hoặc 05 năm (chữ in, màu đỏ).
- + Dòng chữ: “Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện” đối với mẫu Giấy công nhận “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” 02 năm hoặc 05 năm (chữ in, màu đỏ).
- (4): Chữ in, màu đen.
- (5): Chữ in, màu đỏ.
- (6), (7), (8), (9): Chữ thường, màu đen.
- (10): Chữ in, màu đen.
- (11): Chữ thường, màu đen.
- Cỡ chữ trong nội dung, đơn vị tự quy định cho phù hợp, đảm bảo hình thức đẹp, trang trọng.

Mẫu số 1:**(Quốc huy)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG****CÔNG NHẬN**
“PHƯỜNG ĐẠT CHUẨN VĂN MINH ĐÔ THỊ”**Phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**
Đã đạt “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị” 02 năm (2012 - 2013)**Quyết định số: .../QĐ-KT***Hà Đông, ngày.... tháng..... năm 2013***Vào Sổ số: .../QĐ-KT****CHỦ TỊCH****Nguyễn Văn C****Mẫu số 2:****(Quốc huy)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG****CÔNG NHẬN**
“THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN VĂN MINH ĐÔ THỊ”**Thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An**
Đã đạt “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” 05 năm (2009 - 2013)**Quyết định số: .../QĐ-KT***Đô Lương, ngày... tháng..... năm 2013***Vào Sổ số: .../QĐ-KT****CHỦ TỊCH****Nguyễn Văn A**

PHẦN VĂN BẢN KHÁC
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 352/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 539/NQ-UBTVQH13 ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 539/NQ-UBTVQH13 ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 539/NQ-UBTVQH13 ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Điều 2. Ủy ban Dân tộc là cơ quan chủ trì, làm đầu mối quản lý các chính sách dân tộc; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan kiểm tra, rà soát việc thực hiện kế hoạch; tổng hợp tình hình, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tiến độ, kết quả thực hiện kế hoạch của các Bộ, ngành và địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hoàng Trung Hải

**KẾ HOẠCH CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 539/NQ-UBTVQH13 CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI VỀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT
VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT
CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ GIAI ĐOẠN 2012 - 2016**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 352/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Cơ quan chủ trì	Nội dung thực hiện	Cơ quan phối hợp	Hình thức văn bản	Thời gian trình
1	Ủy ban Dân tộc	Xây dựng chính sách về hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn giai đoạn 2012 - 2016	Bộ NN& PTNT, TNMT, KH&ĐT, TC, LĐTBXH, UBND các tỉnh	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Quý I - 2013
		Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh định cư cho đồng bào DTTS giai đoạn 2013 - 2020	Bộ NN& PTNT, TNMT, KH&ĐT, TC, UBND các tỉnh	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Quý I - 2013
		Chính sách hỗ trợ hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo ở các xã, thôn, bản ĐBKK vùng dân tộc và miền núi đến năm 2016 và định hướng đến năm 2020	Bộ NN& PTNT, TNMT, KH&ĐT, TC, UBND các tỉnh	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Quý II - 2013
		Chính sách đầu tư hỗ trợ ổn định dân cư đối với đồng bào DTTS di cư tự do	Bộ NN& PTNT, TNMT, KH&ĐT, TC, UBND các tỉnh	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Quý I - 2013

STT	Cơ quan chủ trì	Nội dung thực hiện	Cơ quan phối hợp	Hình thức văn bản	Thời gian trình
2	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Rà soát đánh giá công tác thu hồi đất của các nông, lâm trường, tổ chức sử dụng kém hiệu quả, sai mục đích, đất gần khu dân để tạo quỹ đất giao cho các hộ DTTS sở tại đang thiếu đất, hoặc không có đất ở, đất sản xuất	Bộ KH&ĐT, TC, TNMT, UBND, UBND các tỉnh	Báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ	Quý III - 2013
		Chuẩn bị nội dung báo cáo Thủ tướng Chính phủ tổ chức Hội nghị sơ kết Chỉ thị 39/2004/CT-TTg về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục khắc phục tình trạng dân di cư tự do theo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải	Bộ KH&ĐT, TC, TNMT, UBND, UBND các tỉnh	Báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ	Quý II - 2013
		Nghiên cứu, xây dựng trình ban hành chính sách “hậu tái định cư” bảo đảm ổn định cuộc sống và sản xuất trước mắt và lâu dài, bền vững cho các đối tượng phải di chuyển, mất đất ở, đất sản xuất	UBND, KH&ĐT, TC, QP, TNMT, UBND các tỉnh	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Quý II - 2015
3	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chỉ đạo các địa phương hoàn thành việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2013 - 2015	Bộ NN&PTNT, UBND các tỉnh	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý III - 2013
		Chỉ đạo các địa phương hoàn thành cơ bản việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Bộ NN&PTNT, UBND các tỉnh	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV - 2013

STT	Cơ quan chủ trì	Nội dung thực hiện	Cơ quan phối hợp	Hình thức văn bản	Thời gian trình
		Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn, nhất là khu vực đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo	Bộ NN&PTNT, UBND các tỉnh	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV - 2013
		Rà soát, nghiên cứu các nội dung liên quan trực tiếp đến đất ở đất sản xuất cho vùng DTTS và miền núi. Kiến nghị các nội dung cụ thể để hoàn thiện Luật Đất đai	Bộ NN& PTNT, QP UBĐT, UBND các tỉnh	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý III - 2013
		Nghiên cứu, xây dựng văn bản hướng dẫn địa phương tổng hợp, theo dõi tình hình quản lý, sử dụng đất ở, đất sản xuất của vùng DTTS và miền núi	Bộ NN& PTNT, QP UBĐT, UBND các tỉnh	Thông tư hướng dẫn	Quý III - 2013
		Thanh tra việc giao đất, cho thuê đất, thực hiện quy hoạch, xây dựng các dự án, công trình có liên quan đến thu hồi đất ở, đất sản xuất nông lâm nghiệp trên địa bàn miền núi, biên giới, vùng DTTS trong thời gian từ 2005 - 2012	UBĐT, NN&PTNT, TC, KH&ĐT, CT, GTVT, UBND các tỉnh	Báo cáo trình Thủ tướng CP	Quý IV - 2013
		Thanh tra việc thực hiện pháp luật về đất đai, bảo vệ và phát triển rừng đối với nông lâm trường trên địa bàn miền núi, biên giới và vùng DTTS	UBĐT, NN&PTNT UBND các tỉnh	Báo cáo trình Thủ tướng CP	Quý III - 2013

STT	Cơ quan chủ trì	Nội dung thực hiện	Cơ quan phối hợp	Hình thức văn bản	Thời gian trình
4	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ đất ở, giải quyết việc làm cho hộ DTTS nghèo đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long	Bộ TC, UBND, NN&PTNT, TNMT, LĐTBXH, UBND các tỉnh Tây Nam bộ	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Quý I - 2013
5	Bộ Tài chính	Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng Thông tư hướng dẫn lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện chính sách pháp luật về đất ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS	UBND, NN&PTNT, TNMT, KH&ĐT, UBND các tỉnh	Thông tư hướng dẫn thực hiện	Quý II - 2013
6	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Tiến hành rà soát, đánh giá công tác dạy nghề, giải quyết việc làm đối với đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2006 - 2012	UBND, NN&PTNT, QP KH&ĐT, TC, UBND các tỉnh	Báo cáo Thủ tướng CP	Quý II - 2013
		Nghiên cứu xây dựng chính sách đặc thù nhằm thúc đẩy đào tạo và giải quyết việc làm phi nông nghiệp cho lao động là người dân tộc thiểu số	UBND, NN&PTNT, TC, KH&ĐT UBND các tỉnh	Quyết định của Thủ tướng CP	Quý III - 2013
7	Bộ Quốc phòng	Tiến hành tổng kết, đánh giá rút ra bài học kinh nghiệm hiệu quả từ việc thực hiện các khu kinh tế quốc phòng tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Đề xuất các giải pháp về định canh định cư gắn với phát triển sản xuất	UBND, TC, NN&PTNT, TNMT, KH&ĐT, UBND các tỉnh	Kế hoạch tổ chức Hội nghị trình Thủ tướng CP	Quý II - 2013

STT	Cơ quan chủ trì	Nội dung thực hiện	Cơ quan phối hợp	Hình thức văn bản	Thời gian trình
8	Bộ Công an	Tiến hành rà soát đánh giá về tình hình quản lý hộ tịch hộ khẩu đối với đồng bào di cư ngoài kế hoạch trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi	UBND các tỉnh	Báo cáo trình Thủ tướng CP	Quý II - 2013
		Đề xuất giải pháp quản lý đối tượng di cư tự do cả đầu đi và đầu đến	UBND các tỉnh	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý II - 2013
9	Bộ Giao thông vận tải	Tổng hợp, đánh giá việc thu hồi, đền bù đất ở, đất sản xuất, bố trí tái định cư đối với người dân tộc thiểu số thuộc các công trình giao thông	UBND các tỉnh	Báo cáo trình Thủ tướng CP	Quý II - 2013
		Rà soát việc quy hoạch xây dựng các công trình giao thông do Bộ GTVT lập và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt có liên quan đến việc thu hồi đất ở, đất sản xuất của các hộ dân nói chung và hộ dân tộc thiểu số nói riêng	UBND các tỉnh	Báo cáo trình Thủ tướng CP	Quý II - 2013
10	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	Tổng hợp tình hình thực hiện quy hoạch dân cư, kế hoạch sử dụng đất nông, lâm nghiệp, quy hoạch các loại rừng trên địa bàn vùng DTTS và miền núi		Báo cáo trình Thủ tướng CP	Quý III - 2013

STT	Cơ quan chủ trì	Nội dung thực hiện	Cơ quan phối hợp	Hình thức văn bản	Thời gian trình
		Trên cơ sở quy hoạch đã được phê duyệt, các địa phương xây dựng phương án cụ thể để thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất cho hộ DTTS còn thiếu đất hoặc chưa có đất để giải quyết trong giai đoạn 2013 - 2015		Báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các Bộ ngành liên quan	Quý III - 2013
		Thực hiện quy hoạch, xây dựng các dự án, công trình có liên quan đến thu hồi đất ở, đất sản xuất nông lâm nghiệp trên địa bàn miền núi, biên giới, vùng dân tộc thiểu số		Đề án	Quý IV - 2013